

Số: 01 /NQ-HĐND

Tây Trà, ngày 23 tháng 5 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Đề án quy hoạch chung đô thị Tây Trà, huyện Tây Trà

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂY TRÀ
KHOÁ II - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Xây dựng;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị;
Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về việc Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2011 của Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi lần thứ tư khóa XVIII về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 21/5/2014 của UBND huyện về việc đề nghị thông qua Đề án quy hoạch chung đô thị Tây Trà, huyện Tây Trà; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Thông qua Đề án quy hoạch chung đô thị Tây Trà, huyện Tây Trà. Hội đồng nhân dân huyện Tây Trà khoá II kỳ họp thứ 10 đã thảo luận cơ bản nhất trí với Đề án và xác định:

1. Quan điểm

Về cơ bản, đô thị Tây Trà mới đạt một số các tiêu chuẩn theo quy định như chỉ tiêu có liên quan đến dân số, còn lại hầu như chưa đạt theo tiêu chuẩn. Để phấn đấu đưa đô thị Tây Trà đạt tiêu chuẩn đô thị loại V sau năm 2015, trong những năm tới, huyện cần tập trung phát triển kinh tế, chú trọng thu hút

đầu tư, phát triển tiềm năng du lịch, tăng cường hiệu quả quản lý xây dựng theo quy hoạch và tập trung ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị và xây dựng phát triển đô thị đồng bộ và hoàn chỉnh. Phấn đấu đến năm 2025 đô thị Tây Trà trở thành đô thị có nền kinh tế phát triển, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đẩy mạnh thu hút đầu tư, chất lượng cuộc sống được nâng cao. Duy trì và bảo vệ môi trường tự nhiên, đáp ứng nhu cầu phát triển trước mắt và lâu dài.

Xây dựng đô thị huyện Tây Trà thành đô thị có đầy đủ mọi tiềm năng về mọi mặt làm động lực phát triển kinh tế - xã hội của đô thị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững, đáp ứng tốt vai trò là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa- xã hội của huyện và các khu vực lân cận.

2. Mục tiêu của Đồ án

Xây dựng trung tâm huyện lỵ Tây Trà phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn văn hóa, cảnh quan và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng theo hướng liên kết vùng để trở thành một đô thị văn minh, hiện đại góp phần vào sự phát triển của huyện và khu vực.

Điều chỉnh cấu trúc không gian đô thị và cơ sở hạ tầng phù hợp với vai trò, tính chất, chức năng của đô thị trong giai đoạn mới và đáp ứng nhu cầu phát triển hiện nay.

Tạo cơ sở pháp lý để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, giới thiệu địa điểm, lập các dự án đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng và kiểm soát phát triển trên địa bàn.

Xây dựng Trung tâm huyện lỵ Tây Trà sau năm 2015 đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

Tình hình hiện trạng sử dụng đất khu vực nghiên cứu quy hoạch

TT	Mục đích sử dụng	Năm 2014 (Dân số: 4.050 người)	
		Diện tích (Ha)	Tỉ trọng (%)
1	Đất ở	19,74	2,63
2	Đất công cộng	7,90	1,05
3	Đất giáo dục	3,13	0,42
4	Đất giao thông	56,58	7,54
5	Đất lúa	49,96	6,66
6	Đất lâm nghiệp, quân sự	467,5	62,28
7	Đất đồi núi	95,54	12,73
8	Đất mặt nước	35,92	4,78
9	Đất nghĩa địa	2,37	0,32
10	Đất trống	12,06	1,61
Tổng diện tích quy hoạch		750,71	100,00

3. Định hướng phát triển không gian giai đoạn 2015 - 2025 và giai đoạn 2025 – 2030

TT	Ký hiệu	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Tỷ trọng (%)
		Đất xây dựng đô thị	287,6	38,31
A		Đất ngoài khu dân dụng	113,721	15,15
1	DL	Đất bảo tồn du lịch sinh thái	35,112	4,68
2	CN	Đất cụm công nghiệp	26,06	3,47
3	BX	Đất bến xe	0,613	0,08
4	DT	Dự trữ phát triển đất ở	51,564	6,87
5	XL	Trạm xử lý	0,370	0,05
B		Đất trong khu dân dụng	173,123	23,16
I		Đất công cộng +CQHC+TMDV+GD +VH	40,582	5,41
1	HC	Đất cơ quan hành chính	6,025	0,80
2	A	Đất công trình công cộng	7,313	0,97
3	DV	Đất thương mại dịch vụ	15,124	2,01
4	VH	Nhà văn hóa	2,674	0,36
5	GD	Đất giáo dục	9,446	1,26
II		Đất khu thái định cư Hà Riêng	7,680	1,02
III		Đất ở	40,421	5,43
IV		Đất cây xanh cảnh quan và CXTDTT	16,375	2,18
V		Đất giao thông	68,477	9,12
C		Đất khác	463,152	61,69
		Tổng diện tích	750,752	100

3.1. Khu trung tâm hành chính huyện

a) Khu trung tâm hành chính bố trí tại trung tâm phía Bắc khu quy hoạch nằm trên trục đường chính đô thị là trục đường cảnh quan, bám trên trục này khu trung tâm sẽ trở thành khu sầm uất nhất của khu đô thị với chức năng trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ, văn phòng, khách sạn...

b) Các trung tâm khu vực, khu ở được bố trí trên các trục tạo thể không gian mới cho đô thị.

3.2. Khu công viên cây xanh, mặt nước

Được tổ chức tại trung tâm khu quy hoạch với khoảng không gian mặt nước kết hợp với cây xanh rộng, mát, trong đó bố trí thêm một số khu dịch vụ, không gian tiêu cảnh, quảng trường kết hợp công viên trở thành không gian sinh hoạt cộng đồng lớn khu vực, quảng trường kết hợp với công viên trung tâm được chú ý kèm với các bãi đậu xe và sinh hoạt công cộng.

3.3. Các khu dân cư

Khu ở bố trí trên toàn khu quy hoạch gồm các khu: Khu nhà ở phân lô mới, các khu nhà ở chính trang.

3.4. Các công trình đầu mối

a) Chợ trung tâm: bố trí một khu đất không ảnh hưởng đến môi trường, thuận lợi giao thông.

b) Khu luyện tập thể dục thể thao: Bố trí các sân thể thao cơ bản xen vào các khu cây xanh của nhóm nhà và khu cây xanh công viên.

3.5. Khu tiểu thủ công nghiệp, làng nghề

Xây dựng cụm tiểu thủ công nghiệp đôi Sim, dự kiến khoảng 26 ha. Quy hoạch nhằm từng bước chuyển đổi ngành nghề nâng cao mức sống người dân địa phương.

3.6. Khu văn hóa và giáo dục

a) Giữ nguyên hiện trạng các công trình văn hóa hiện có.

b) Xây dựng mới nhà văn hóa thiếu nhi đối diện với nhà văn hóa huyện.

c) Xây dựng mới khu quảng trường.

d) Giữ nguyên vị trí và mở rộng các trường hiện hữu cho phù hợp với nhu cầu phát triển của đô thị trong tương lai.

4. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

4.1. Chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền

- Giải pháp thiết kế san nền cho khu trung tâm huyện Tây Trà là thiết kế san lấp riêng cho từng cụm độc lập, tạo tầng bậc nhằm giảm khối lượng đào đắp, không phá vỡ cảnh quan hiện có. Tận dụng đất đào để đắp tại chỗ. Khối lượng đất thừa phải vận chuyển đến khu vực đắp theo quy định, tránh gây cản trở dòng chảy.

- Đối với các khu dân cư hiện trạng: Nền xây dựng đảm bảo phối hợp hài hòa với khu vực xung quanh và khu vực xây dựng mới, không ảnh hưởng bất lợi tới các hướng tuyến thoát nước chung của khu vực.

- Đối với các khu vực xây dựng mới: nền xây dựng được tổ chức san lấp cục bộ, cao độ khống chế lấy cao hơn cốt nền đường tại khu vực từ: 0,3 - 0,5m. Tổ chức hướng dốc nền về phía có hệ thống thoát nước, độ dốc nền $\geq 0,004$.

b) Thoát nước mưa: Đổ ra sông Hà Riêng và suối Nước Niêu.

4.2. Công tác chuẩn bị kỹ thuật khác

a) Xây kè đá dọc bờ sông suối.

b) Xây tường chắn hoặc kè mái giữ đất đối với các khu vực xây dựng giạt cấp và sát núi để tránh sạt lở.

4.3. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Đường tỉnh 622B: kết nối khu quy hoạch, huyện Tây Trà đi quốc lộ 1A và thành phố Quảng Ngãi.

- Đường tỉnh 622B ở trung tâm huyện đi các khu vực khác.

b) Giao thông đô thị

Mạng lưới đường và xác định quy mô cấp hạng tuyến đường.

Các tuyến đường nội thị được phân thành các loại đường trục chính, liên khu vực, đường khu vực và đường phân khu vực.

c) Đường trục chính đô thị: Quy mô mặt cắt ngang 43,0m và 15,5m.

d) Đường liên khu vực: Quy mô mặt cắt ngang 17m.

e) Đường khu vực: Quy mô mặt cắt ngang 11,5m và 13,5m.

f) **Bến xe:** Cần đầu tư xây dựng mới bến xe với quy mô diện tích 0,61ha ở khu vực ngã tư, gần cây xăng đường tỉnh 622B.

g) **Bãi đỗ xe:** Các điểm đỗ xe sẽ được bố trí tại các khu vực trung tâm, nơi tập trung nhiều công trình công cộng, trung tâm văn hoá - hành chính, là những nơi tập trung đông người... với các hình thức: đỗ xe dọc đường, trong bãi đỗ tập trung, trong các khuôn viên công trình, cơ quan, công cộng.

4.4. Cấp nước

Giai đoạn trước mắt: Công trình cấp nước, lấy từ nguồn nước Gò Rô và Nước Bút cung cấp cho một số hộ dân và công trình công cộng ở trung tâm huyện. Các hộ còn lại tạm thời sử dụng giếng đào, giếng khoan để phục vụ cho gia đình.

Giai đoạn đến năm 2020: Nhu cầu sử dụng nước là 812m³/ngày đêm. Tiến hành đầu tư xây dựng mới hệ thống nước sinh hoạt tại Suối Kem nhằm đảm bảo cung cấp đủ cho toàn bộ khu vực nghiên cứu và công tác phòng cháy chữa cháy.

Giai đoạn đến năm 2030: Nhu cầu sử dụng là 1.110m³/ngày đêm, mở rộng nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt tại Suối Kem, để nâng khả năng cung cấp cho các nhu cầu, đồng thời mở rộng mạng lưới đường ống chính đưa nước đến các điểm dân cư mở rộng và các công trình công cộng mới.

4.5. Cấp điện

Hiện nay, toàn huyện đang sử dụng nguồn điện kết hợp nguồn điện từ xuất tuyến XT472/T11 thuộc TBA 35kV Trà Bông và nguồn điện từ nhà máy thủy điện Sông Riêng. Để thực hiện các mục tiêu cải tạo và xây dựng đô thị cần phải có các dự án đầu tư hạng mục cấp điện như sau:

- Cải tạo và nâng cấp, chuyển đổi toàn bộ hệ thống điện trung thế 10kV (15kV) sang 22kV.

- Xây dựng mới hệ thống đường dây 0,4kV đã xuống cấp và chưa đồng bộ với việc phát triển chung của ngành điện.

- Xây dựng trạm biến áp nguồn 35/22kV và các trạm biến áp phân phối 22/0,4kV bổ sung cho các khu vực quá tải.

- Đầu tư xây dựng một số tuyến điện đi ngầm trên trục đường chính để tạo mỹ quan trong đô thị.

4.6. Thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường

Nước thải của đô thị huyện Tây Trà cần được thu gom theo hệ thống công riêng, chảy về trạm xử lý để làm sạch trước khi đổ ra sông, suối. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo các chỉ tiêu vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế sẽ được xả ra sông, suối và môi trường tự nhiên. Đất xây dựng trạm xử lý nên ở khu vực đất trống, trồng cây xanh, vườn màu và gần sông Hà Riêng và suối Nước Niêu, vì vậy không gây ảnh hưởng đến môi trường.

4.7. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt được thu gom đưa về khu xử lý rác tập trung của huyện (cách huyện Tây Trà 2,5km về phía Đông Nam, để đảm bảo khoảng cách và không gây ô nhiễm cho khu vực dân cư). Rác thải được xử lý bằng hình thức chôn lấp hợp vệ sinh.

Để bảo đảm vệ sinh môi trường cho đô thị và khu vực, cần tổ chức thêm các điểm thu gom rác tập trung bằng các thùng rác công cộng có nắp đậy đặt

trên các trục đường giao thông đô thị, khoảng cách tối thiểu của các thùng rác là 25m và đơn vị chuyên ngành thu gom và vận chuyển hàng ngày.

4.8. Chất thải rắn các khu vực bệnh viện: Sẽ được phân ra thành hai loại:

- Chất thải rắn sinh hoạt bình thường sẽ được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt của đô thị đưa đi xử lý tập trung.

- Chất thải rắn độc hại như bông băng, các phế liệu thừa sau khi mổ, cắt bỏ, sẽ đốt tại lò đốt chất thải rắn y tế, lò đốt y tế được xây dựng tại bệnh viện theo đúng tiêu chuẩn quy định.

4.9. Chất thải rắn công nghiệp: Được phân thành hai loại:

- Chất thải rắn sinh hoạt bình thường của công nhân và nhân viên khu hành chính dịch vụ sẽ được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt đưa đi xử lý tập trung.

- Các xí nghiệp sản xuất ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại với các đơn vị chuyên trách của huyện, chuyển chất thải rắn về khu xử lý của tỉnh.

4.10. Nghĩa địa, bãi chôn cất: Mai táng tập trung tại nghĩa trang nhân dân ở phía Bắc đô thị với quy mô diện tích 05 ha.

Điều 2. HĐND huyện giao cho UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực HĐND; các Ban của HĐND và đại biểu HĐND huyện thường xuyên kiểm tra đôn đốc và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khoá II thông qua ngày 23 tháng 5 năm 2014, tại kỳ họp thứ 10./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Thường trực HĐND các xã;
- Đại biểu HĐND huyện;
- VP. HĐND và UBND: CPVP, CVHĐ;
- Lưu VT.



Hồ Hoàng Thái